

Số: 425/QĐ-UBND

Hương Sơn, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Tiên,
huyện Hương Sơn giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 sửa đổi, bổ sung quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019; số 1826/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; số 850/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hương Sơn; số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Văn bản số 3820/SXD-QHHT5 ngày 30/12/2020 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc tổ chức rà soát, lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã và lập quy hoạch vùng huyện;

Căn cứ Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn giai đoạn 2021 - 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến tại Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 05/12/2023; Báo cáo kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Văn bản số 07/BC-KTHT ngày 09/01/2024; Ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng tại Văn bản số 329/SXD-QHKT₈ ngày 25/01/2024; sau khi các thành viên Ủy ban nhân dân huyện biểu quyết đồng ý (tại cuộc họp Ủy ban nhân dân huyện ngày 26/01/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn giai đoạn 2021 - 2030.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến.

3. Đơn vị lập quy hoạch: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Bảo Châu (địa chỉ: Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội).

4. Phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới:

Phía Bắc giáp xã Thanh Xuân và xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

Phía Đông giáp xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;

Phía Tây giáp xã Sơn Lễ;

Phía Nam giáp xã An Hoà Thịnh.

- Quy mô diện tích: Theo địa giới hành chính xã 3.757,56 ha.

5. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch:

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Hương Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của xã, phát huy thế mạnh, khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương;

- Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu quy hoạch xã phù hợp với các quy hoạch của cấp trên (quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất huyện Hương Sơn đến năm 2030, quy hoạch xây dựng vùng huyện...), phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương; đảm bảo hài hòa giữa các

mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, định hướng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phân bố dân cư và phát triển sản xuất trên địa bàn;

- Gắn kết chặt chẽ Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình dự án đang triển khai trên địa bàn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tạo mối liên kết vùng, kiểm soát không gian toàn xã, điểm dân cư nông thôn, các vùng phát triển sản xuất, đảm bảo cảnh quan, môi trường xanh, sạch, an toàn; đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác lập và quản lý các quy hoạch chi tiết xây dựng, các chương trình, kế hoạch, công trình, dự án trên địa bàn.

6. Dự báo quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Dự báo quy mô dân số:

- Quy mô dân số hiện tại: 7.148 người;
- Dự báo quy mô dân số đến 2025: 7.460 - 7.510 người;
- Dự báo quy mô dân số đến 2030: 7.780 - 7.870 người.

6.2. Dự báo quy mô lao động:

- Đến năm 2025, tổng số lao động trong độ tuổi lao động khoảng 3.650 người (trong đó: Ngành nông nghiệp chiếm 60%, phi nông nghiệp 40%);
- Đến năm 2030, tổng số lao động trong độ tuổi lao động khoảng 3.980 người (trong đó: Ngành nông nghiệp chiếm 45%, phi nông nghiệp 55%).

6.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Tổng giá trị thu nhập toàn xã đến năm 2025 đạt khoảng 218,5 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt khoảng 326,5 tỷ đồng;
- Bình quân thu nhập đầu người đạt 55 triệu đồng năm 2025, đạt 68 triệu đồng năm 2030;
- Giá trị thu nhập trong các ngành đến năm 2030: Nông nghiệp đạt 114,80 tỷ đồng, chiếm 35%; thương mại - dịch vụ đạt 130,60 tỷ đồng, chiếm 40%; thu khác đạt 81,63 tỷ đồng, chiếm 25%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% năm 2025, đạt 75% năm 2030.
- Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm 0,3 - 0,5%; tỷ lệ gia đình văn hóa 95%; trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia mức độ 2;
- Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 80% năm 2025, đạt 90% năm 2030;
- Đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2024 - 2025.

7. Định hướng tổ chức không gian tổng thể

7.1. Khu trung tâm xã: Bao gồm khu trung tâm hành chính xã, khu thể thao, công viên vui chơi giải trí, công trình công cộng, quy hoạch tại vị trí mới tại thôn Côn Sơn, lấy tuyến đường huyện ĐH-66 làm trục không gian cảnh quan;

7.2. Khu chức năng hai bên đường trục chính gồm tuyến đường huyện ĐH-64; ĐH-66, quy hoạch bố trí khu chức năng dịch vụ hỗn hợp, điểm dân cư mới, khu công viên cây xanh và trung tâm thể thao cấp khu vực.

7.3. Quy hoạch phân bố dân cư, khu dân cư tập trung:

a) Quy hoạch phân bố dân cư, khu dân cư tập trung dọc hai bên đường ĐH-66; ĐH-64; đường trục xã: Định hướng giữ nguyên hiện trạng vị trí các khu dân cư, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường giao thông; khuyến khích Nhân dân tự giãn và thừa kế, dần lấp đầy diện tích đất ở trong khu dân cư. Quy hoạch mới các điểm dân cư tập trung tại thôn Tân Tiến, thôn Côn Sơn, thôn Thiên Nhẫn, thôn Thịnh Tiến, thôn Lê Định ..., bố trí quy hoạch mới khu chức năng hỗn hợp kết hợp phát triển khu dân cư dọc 2 bên đường huyện ĐH-64; ĐH-66 và đường Hồ Chí Minh.

b) Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới:

- Khu dân cư mới: Quy hoạch bám theo trục đường chính, phân bố tại 13 thôn, tổng diện tích 20,74 ha, kiến trúc xây dựng chủ yếu dạng nhà ở độc lập, kiến trúc đồng nhất, mái dốc lợp ngói hoặc vật liệu tương đương, công trình đảm bảo việc phòng, tránh bão lũ, mật độ xây dựng phù hợp.

- Khu dân cư hiện trạng: Phân bố rải rác toàn xã; nhà ở chủ yếu xây dựng thấp tầng, có sân vườn dùng nhiều hình thức nhà mái dốc, lợp ngói hoặc vật liệu tương đương, tạo nhiều không gian xanh trong khu nhà ở.

7.4. Quy hoạch các công trình công cộng:

a) Quy hoạch khu trung tâm hành chính xã: bao gồm Trụ sở Đảng ủy, chính quyền và các cơ quan đoàn thể xã: tại thôn Côn Sơn, có phạm vi ranh giới: Phía Bắc, phía Đông giáp khu dân cư và đất nông nghiệp; Phía Nam giáp đất nông nghiệp và khu dân cư; phía Tây giáp sông và đường trục xã TX-01, diện tích 1,30 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1 - 3 tầng.

b) Trụ sở Công an xã: Bố trí quy hoạch tại vị trí UBND xã hiện tại với diện tích khoảng 0,20 ha, đầu tư xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ đảm bảo đạt chuẩn của ngành, có kiến trúc hài hòa.

c) Công trình giáo dục: Các trường học chủ yếu giữ nguyên theo hiện trạng, có mở rộng diện tích đảm bảo đạt chuẩn, các công trình xây dựng mới ưu tiên xây dựng 2 tầng, có vệ sinh khép kín, quy mô công năng và diện tích đảm bảo đạt chuẩn, quy hoạch các điểm trường như sau:

- Trường Mầm non: Giữ nguyên các vị trí điểm trường theo hiện trạng; quy hoạch mở rộng thêm 0,15 ha; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt tiêu chuẩn.

- Trường Tiểu học: Giữ nguyên các vị trí điểm trường theo hiện trạng, quy hoạch mở rộng thêm 0,30 ha; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt tiêu chuẩn.

- Trường THCS: Giữ nguyên các vị trí điểm trường theo hiện trạng; quy hoạch mở rộng thêm 0,20 ha; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

d) Trạm y tế: Giữ nguyên vị trí, quy mô theo hiện trạng, đầu tư trang thiết bị và nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất đạt chuẩn.

e) Công trình văn hoá, thể thao:

- Sân thể thao, khu vui chơi trung tâm xã quy hoạch mới tại khu hành chính xã, diện tích 1,4 ha;

- Sân thể thao thôn: Giữ nguyên tại vị trí tại thôn Hùng Tiến, diện tích 0,96 ha; Quy hoạch mới sân vùng Tràng Đình, thôn Tân Tiến, diện tích 0,55 ha

- Nhà văn hóa các thôn: Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn Lê Định, diện tích 0,20 ha và nhà văn hóa thôn Trung Tiến, diện tích 0,30 ha; Các nhà văn hóa thôn khác, quy hoạch theo vị trí, quy mô hiện trạng, đầu tư chỉnh trang cải tạo khuôn viên, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất.

f) Công trình di tích lịch sử, tín ngưỡng tâm linh, tôn giáo:

- Quy hoạch mở rộng khu di tích chùa Côn Sơn, diện tích tăng thêm 0,30 ha.

- Quy hoạch mở rộng khuôn viên giáo xứ Kê Động, giáo xứ Dòng Xơ;

- Quy hoạch mở rộng khuôn viên Đền Cả; Đền Xã.

8. Tổ chức các khu vực sản xuất chính:

8.1. Quy hoạch vùng trồng lúa: Trước khi phát triển các khu chức năng theo quy hoạch, tiếp tục giữ diện tích trồng lúa ổn định; bố trí diện tích đất trồng lúa chất lượng cao khoảng 60,0 ha, tại các vùng: đồng Đội Nậy, đồng Khăm, đồng Cầu Động, đồng Cầu Mương, đồng Trọt Tiến ... ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh lúa cao sản, gieo cấy các giống có tiềm năng, năng suất cao như các giống lúa lai, lúa thuần.

8.2. Quy hoạch trồng màu, rau sạch diện tích khoảng 120,0 ha dọc suối bãi bồi; trồng ngô, lạc, đậu tại các vùng: đồng Nặng, đồng Hố, đồng Cây Bùi, đồng Vực, đồng Gia Đồi, đồng Tru Nhập ...Ngoài ra rau màu còn được quy hoạch tại các vườn hộ với khoảng diện tích 5,0 - 7,0 ha..

8.3. Quy hoạch khu vực trồng cây ăn quả tại các vườn hộ có diện tích đất vườn rộng; quy hoạch tập trung tại xứ đồng Trạng, thôn Vực Ròng (8,1 ha), vùng Trại Lợn thôn Ao tròn (13,1 ha).

8.4. Chăn nuôi: Xác định phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp với giá trị kinh tế cao, quy hoạch khu chăn nuôi tổng hợp tập trung tại thôn Côn Sơn diện tích 4,0 ha, tại thôn Hùng Sơn với diện tích 5,2 ha, tại thôn Thịnh Tiến với diện tích 6,0 ha, tại thôn Hòa Tiến với diện tích 5,0 ha, tại thôn Thiên Nhẫn với

diện tích 9,0 ha; thôn Ngọc Sơn, xã Sơn Tiến với diện tích 0,15 ha;

8.5. Nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích 15,80 ha, bao gồm: Vùng Đồng Nây, đồng Toi diện tích 4,80 ha; vùng Đồng Nây, đồng Đại Gan diện tích 10,0 ha; vùng Đồng Lò Xo diện tích 1,0 ha.

8.6. Khu vực phát triển kinh tế nông thôn, thương mại dịch vụ:

a) Quy hoạch đất thương mại dịch vụ vị trí thôn Trung Tiến và thôn Tân Tiến với tổng diện tích 2,0 ha;

b) Quy hoạch khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Quy hoạch 01 vị trí đối diện Trường Tiểu học cạnh trục đường xã TX-03, diện tích 0,80 ha.

8.7. Mỏ VLXD: Quy hoạch mới Mỏ khai thác đất tại vùng Núi Tràng Cháy, thôn Côn Sơn, diện tích 10,35 ha.

9. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Hệ thống đường giao thông:

a) Giao thông đối ngoại (tuân thủ theo quy hoạch cấp trên):

- Đường Hồ Chí Minh: Đoạn qua xã dài 2,24 km; quy hoạch mặt cắt ngang nền rộng 25,5m, quy mô đường cấp III, 4 làn xe;

- Đường huyện: Gồm 2 tuyến, Tuyến 1 (ĐH-64) đoạn qua xã dài 3,48 km; Tuyến 1 (ĐH-66) đoạn qua xã dài 5,45 km; quy hoạch mặt cắt ngang nền đường rộng 9,0 - 12 m;

b) Giao thông đối nội:

- Đường trục xã, liên xã: Quy hoạch 03 tuyến, tổng chiều dài 14,93 km, quy mô mặt cắt ngang mặt đường rộng 5,5 - 7,5 m, nền đường rộng 7,5 - 9,0 m.

- Đường trục thôn, liên thôn: Quy hoạch 11 tuyến, tổng chiều dài 19,83 km, quy mô mặt cắt ngang mặt đường rộng 3,5 - 5,5 m, nền đường 5 - 7,5 m.

- Đường ngõ xóm: Quy hoạch 188 tuyến, tổng chiều dài 50,38 km, quy mô mặt cắt ngang mặt đường rộng 3 - 5,5m, nền đường rộng 5 - 7,5m.

- Đường trục chính nội đồng: Quy hoạch 33 tuyến, tổng chiều dài 16,12 km, quy mô mặt cắt ngang mặt đường rộng 3 - 5,5m, nền đường rộng 5 - 7,5 m.

9.2. Hệ thống thủy lợi:

- Quy hoạch hệ thống kênh, mương thủy lợi gồm 19 tuyến, tổng chiều dài 21,87 km, quy mô mặt cắt ngang B x H = (40 x 50)cm - (80 x 100)cm.

- Hệ thống hồ đập, trạm bơm: Quy hoạch giữ nguyên 5 hồ đập theo hiện trạng; xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp sửa chữa đảm bảo tưới, tiêu, tích trữ nước theo dung tích thiết kế, phục vụ sản xuất, sinh hoạt, phòng chống thiên tai.

9.3. Hệ thống điện: Giữ nguyên 15 trạm biến áp theo hiện trạng, tổng công suất 2620 KVA; tổng chiều dài đường dây 35KV là 8,6 km; đường dây 110KV là 9,7 km; đường dây 04KV là 34,6 km; hàng năm đầu tư cải tạo, nâng

cấp đảm bảo cung cấp nguồn điện áp ổn định, đạt tiêu chuẩn.

9.4. Bãi rác: Quy hoạch mới 01 bãi tập kết rác gần nghĩa trang thôn Tân Tiến, xã Sơn Tiến, diện tích 0,50 ha.

9.5. Nghĩa trang: Quy hoạch 03 nghĩa trang, gồm Nghĩa trang Cựa Đạo, diện tích 9,20 ha; Nghĩa trang Động Thìn, diện tích 4,80 ha, Nghĩa trang Động Đò, diện tích 14,90 ha. Các nghĩa trang hiện trạng còn lại, đóng cửa theo lộ trình, cải tạo đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường.

9.6. Hệ thống cấp nước sạch: Quy hoạch mới nhà máy nước sạch tại thôn Thịnh Tiến, diện tích 1,0 ha; mạng lưới đường ống cấp nước chính bố trí theo hệ thống giao thông;

9.7. Thoát nước mưa, nước thải: Thoát nước theo hệ thống rãnh dọc của đường giao thông.

10. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021		Dự báo năm 2030		Tăng (+); Giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			3.757,56	100,00	3.757,56	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.222,46	85,76	3.158,95	84,09	-62,70
1.1	<i>Trong đó:</i>			0,00	0,00	0,00	
	Đất trồng lúa	LUA	540,53	14,39	507,81	13,51	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	60,10	1,60	42,11	1,12	-17,99
1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	480,42	12,79	465,69	12,39	-14,73
1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	393,52	10,47	357,91	9,53	-35,30
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	669,23	17,81	675,95	18,00	7,22
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.137,61	30,28	1.136,91	30,26	-0,70
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD		0,00	0,00	0,00	
	Đất rừng sản xuất	RSX	456,05	12,14	404,30	10,76	-51,75
1.7	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN		0,00	0,00	0,00	0,00
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21,07	0,56	42,27	1,13	21,20
1.9	Đất làm muối	LMU					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,45	0,12	33,80	0,90	29,35
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	502,18	13,36	580,72	15,43	77,73
2.1	Trong đó:			0,00	0,00	0,00	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021		Dự báo năm 2030		Tăng (+); Giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2	Đất quốc phòng	CQP		0,00	16,90	0,45	
2.3	Đất an ninh	CAN		0,00	0,20	0,01	0,20
2.	Đất khu công nghiệp	SKK		0,00	0,00	0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		0,00	0,00	0,00	0,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,06	0,00	2,86	0,08	2,80
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,09	0,00	1,69	0,05	1,60
2.	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		0,00	10,35	0,28	
2.9	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT		0,00	452,90	12,03	452,09
-	<i>Trong đó:</i>			0,00	0,00	0,00	
-	Đất giao thông	DGT	195,04	5,19	196,32	5,22	1,28
-	Đất thủy lợi	DTL	147,80	3,93	167,04	4,45	19,24
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,05	0,00	0,05	0,00	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,09	0,00	0,09	0,00	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,10	0,08	3,25	0,09	0,15
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,43	0,14	5,98	0,16	0,55
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,04	0,00	0,04	0,00	0,00
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,03	0,00	0,18	0,00	0,15
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,32	0,04	1,62	0,04	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		0,00	0,50	0,01	0,50
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,30	0,06	3,11	0,06	0,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	69,01	1,84	73,97	1,97	4,96

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021		Dự báo năm 2030		Tăng (+); Giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
2.0	Đất chợ	DCH	0,75	0,02	0,75	0,02	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,07	0,03	1,57	0,04	0,50
2.13	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,20	0,01	0,20	0,01	
2.14	Đất ở tại nông thôn	ONT	43,38	1,15	64,12	1,71	20,74
2.15	Đất ở tại đô thị	ODT		0,00			
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,18	0,00	2,46	0,07	2,28
2.17	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,17	0,00	0,17	0,00	0,00
2.18	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.19	Đất tín ngưỡng	TIN	2,09	0,06	2,39	0,06	0,30
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	28,64	0,76	23,57	0,63	-5,07
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,35	0,04	1,35	0,04	0,00
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	32,92	0,88	17,89	0,48	-15,03

11. Danh mục các dự án đầu tư và phân kỳ nguồn vốn

11.1. Các dự án ưu tiên:

- Thu hút đầu tư dự án Nhà máy nước sạch, nguồn vốn đầu tư dự kiến 63 tỷ đồng;

- Đầu tư xây dựng mới khu trung tâm hành chính xã theo quy hoạch (bao gồm: Trụ sở làm việc ủa Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể xã; trụ sở công an, quỹ tín dụng,...) tổng kinh phí dự kiến 30 tỷ đồng.

- Đầu tư mở rộng, xây dựng, cải tạo tu sửa cơ sở vật chất các trường học theo quy hoạch, tổng kinh phí dự kiến 10 tỷ đồng.

- Nâng cấp, tu sửa nhà làm việc, mua sắm trang bị dụng cụ y tế, tổng kinh phí dự kiến 3,0 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp đường trục xã theo quy hoạch, tổng kinh phí dự kiến 15,0 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường thôn, đường giao thông nội đồng phát triển sản xuất, tổng kinh phí dự kiến 25 tỷ đồng.

- Nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống Đập và kênh mương thủy lợi theo quy hoạch, tổng kinh phí dự kiến 50 tỷ đồng.

- Nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa các thôn, xã để đảm bảo đạt chuẩn, dự kiến 10 tỷ đồng.

- Hỗ trợ xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất chuyên canh, xây dựng điểm kinh doanh, thương mại - dịch vụ, hệ thống xử lý rác, với tổng kinh phí 30 tỷ đồng.

- Phát triển dân cư tập trung mới tại Khu trung tâm xã (không đưa vào tổng hợp nguồn vốn).

11.2. Phân kỳ vốn:

Tổng vốn đầu tư dự kiến cả giai đoạn (2021 - 2030) dự kiến 236 tỷ đồng, được phân ra các năm và giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025: 136 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2026 - 2030: 100 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn dự kiến: Nguồn cấp trên hỗ trợ từ các Chương trình, dự án chiếm 55%, nguồn vốn tự có của địa phương 20%, nguồn vốn huy động đóng góp của người dân, doanh nghiệp và các nguồn khác chiếm 25%.

12. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

- Quản lý về ranh giới, phạm vi, tính chất xã; kiểm soát không gian, kiến trúc các phân khu chức năng và công trình trọng điểm: Cơ quan hành chính xã, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ.

- Quản lý về chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường thuộc hệ thống giao thông trên địa bàn (quản lý theo quy mô cận trên của quy hoạch).

- Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường.

- Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan.

13. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

13.1. Giải pháp về triển khai thực hiện, quản lý quy hoạch:

- Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến tổ chức công bố, công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch; tổ chức cắm mốc giới ngoài thực địa;

- Tổ chức lập các dự án đầu tư xây dựng theo danh mục ưu tiên để làm căn cứ thực hiện;

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân được biết, thực hiện đầu tư xây dựng và các hoạt động khác phù hợp quy hoạch.

13.2. Giải pháp về phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường:

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư thâm canh, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; chuyển giao khoa học, kỹ thuật vào sản xuất;

- Đổi mới phát triển kinh tế hợp tác và HTX, khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác trên cơ sở liên kết, liên minh giữa các hộ, các trang trại bằng nhiều hình thức, cấp độ để nâng cao hiệu quả kinh tế; đổi mới và phát triển hệ thống quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp; tăng cường sự liên kết, tham gia của các tổ chức xã hội (Hội nông dân, hiệp hội ngành hàng...); làm tốt dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông dân;

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đặc biệt hệ thống giao thông, kênh mương nội đồng tưới tiêu phục vụ sản xuất;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế khác trong nông nghiệp phát triển; hoạt động sản xuất gắn với cung ứng dịch vụ nông nghiệp tổng hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm, từ cung cấp dịch vụ đầu vào đến chế biến và phát triển thị trường; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu hàng nông sản của địa phương;

- Nguồn nước thải, chất thải tại các cơ sở sản xuất phải được thu gom, xử lý triệt để theo quy trình, nước thải tại hộ gia đình phải có bể xử lý phù hợp trước khi thải ra môi trường; tổ chức tốt hệ thống các cơ sở thu gom rác và xử lý rác tại các bãi rác tập trung;

- Chăn nuôi nhỏ lẻ trong các khu dân cư có giải pháp, kế hoạch để từng bước được chuyển ra khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư để thuận lợi cho thu gom và xử lý nguồn thải trước khi thải ra môi trường.

13.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn, có trách nhiệm, tâm huyết;

- Có chính sách khuyến khích người dân tự nâng cao tay nghề, thu hút nguồn nhân lực có trình độ khá về làm việc tại địa phương; tổ chức các lớp dạy nghề; thành lập các câu lạc bộ khuyến nông, câu lạc bộ thanh niên lập nghiệp, các hội nghề nghiệp, hội làm vườn, trồng cây cảnh...

13.4. Giải pháp về chính sách, thị trường, huy động nguồn vốn:

- Tạo điều kiện cho các hộ vay vốn mở rộng sản xuất (theo quy hoạch);

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp;

- Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa đến mọi tầng lớp trên địa bàn; khuyến khích, ưu tiên sử dụng hàng hóa tại địa phương;

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ

và tham gia xây dựng hệ thống hạ tầng.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các đơn vị, địa phương liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến:

- Lập Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân huyện thẩm định, phê duyệt ban hành;

- Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch, cắm mốc giới thực địa; thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt, phù hợp với các quy định hiện hành và định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tham gia quản lý, thực hiện tốt quy hoạch.

2. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng, ban liên quan theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến triển khai thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các Quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh đồ án Quy hoạch chung xây dựng, Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa và Thông tin, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND xã Sơn Tiến và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Kiều Hưng